

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 200/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 6 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Mỹ Lil.

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp I, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Lê Quang H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2025 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2016 chị Ý và anh H tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 24/02/2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 54/2016). Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc T, sinh 24/6/2017 (hiện chị Ý đang nuôi dạy). Về tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Ý xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H không quan tâm đến gia đình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Chị Ý yêu cầu ly hôn với anh H. Về con chung đồng ý giao cho anh H nuôi, chị Ý tự nguyện cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do chị Ý có mối quan hệ bạn bè không minh bạch, dẫn đến vợ chồng bất

đồng và không sống chung với nhau đã hơn 03 năm, nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Anh H đồng ý ly hôn với chị Ý. Về con chung yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị Ý cấp dưỡng cho con (Trường hợp chị Ý tự nguyện cấp dưỡng thì anh H đồng ý). Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu xem xét giải quyết.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] *Xét về thủ tục:* Các đương sự có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Xét thấy chị Ý và anh H đều thể hiện ý chí cương quyết và tự nguyện ly hôn với nhau, nên có căn cứ xác định được chị Ý và anh H không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và giữa đôi bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị Ý và anh H được ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình (LHNGĐ) và khoản 2, 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2014/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình (Nghị quyết 01). Giấy chứng nhận kết hôn số: 54/2016 ngày 24/02/2016 của Ủy ban nhân dân xã T hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.2] *Về con chung:*

[3.2.1] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy sau khi ly hôn chị Ý và anh H thống nhất thoả thuận được việc nuôi con và cháu T đã từ đủ 07 tuổi trở lên và nguyện vọng của cháu đúng như sự thoả thuận giữa chị Ý và anh H, nên cần ghi nhận và giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 LHNGĐ. Chị Ý có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Chị Ý có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với anh H; nếu chị Ý lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 LHNGĐ; việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3.2.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Theo quy định của pháp luật thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị Ý tự nguyện cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng một tháng không được thấp hơn một nửa mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng cư trú theo quy định khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01; căn cứ mục 3 phụ lục kèm theo và Điều 3 Nghị định số: 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 về quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động (Nghị định số: 74) thì mức lương tối thiểu vùng tại huyện U nơi chị Ý cư trú là 3.860.000 đồng. Do đó, cần ghi nhận chị Ý phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 1.930.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo định quy định là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 LHNGĐ.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ý và anh H không có yêu cầu trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Trước khi mở phiên toà, chị Ý và anh H đã có ý kiến tự nguyện ly hôn với nhau, nên chị Ý và anh H phải chịu 50% mức án phí ly hôn là 150.000 đồng (mỗi bên chịu 25% là 75.000 đồng); chị Ý phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết 326) và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01. Chị Ý đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của BLTTDS; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 LHNGĐ; Khoản 4 Điều 3 Thông tư số: 01; mục 3 phụ lục kèm theo và Điều 3 Nghị định số: 64; Khoản 1, 2, 3 Điều 4, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như Ý.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Như Ý ly hôn với anh Lê Quang H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 54/2016 ngày 24/02/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho anh Lê Quang H trực tiếp nuôi dạy cháu Lê Ngọc T, sinh 24/6/2017. Chị Ý có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; chị Ý có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với anh H; nếu chị Ý lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Buộc chị Nguyễn Thị Như Ý phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Ngọc T, sinh 24/6/2017 mỗi tháng 1.930.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 27/6/2025. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Ý chậm thực hiện nghĩa vụ khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì hàng tháng chị Ý còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm thực hiện.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị Như Ý phải nộp án phí ly hôn là 75.000 đồng, án phí cấp dưỡng cho con 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Như Ý đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005562 ngày 05/5/2025 Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ. Chị Nguyễn Thị Như Ý phải nộp tiếp tiền án phí là 75.000 đồng (Chưa nộp).

+ Anh Lê Quang H phải nộp án phí ly hôn là 75.000 đồng (chưa nộp).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Thuận;
- UBND xã Trần Hợi
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Huỳnh Hải